

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 01 - 2022

*“V/v tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Kiệt

*Các vị Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021. Về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Trương Kiều D - Sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

*- Bị đơn:* Anh Trần Văn T - Sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Về hôn nhân:* Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/12/2011. Sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D và anh T bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận. Chị D và anh T đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Tại phiên hòa giải, chị Trương Kiều D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn T. Anh T thống nhất về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn với lý do anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

*- Về con chung:* Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Hồng L, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thế V, sinh ngày 26/3/2015, hiện nay hai cháu đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án lấy ý kiến nguyện vọng của các con, nếu các con theo ai thì người đó được tiếp tục nuôi,

người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T xác định trong thời gian chung sống anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:**

[1] Tranh chấp giữa chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T có địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do điều kiện đi lại khó khăn, chị Trương Kiều D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh T đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về hôn nhân*: Chị D và anh T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/12/2011. Do đó, hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị D và anh T thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, chị D và anh T đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Anh T không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị D có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị D đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị D cương quyết xin ly hôn nên không hòa giải hàn gắn được. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh T đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh T. Anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

*Về con chung:* Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Hồng L, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thế V, sinh ngày 26/3/2015, hiện nay hai cháu đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án lấy ý kiến nguyện vọng của các con, nếu các con theo ai thì người đó được tiếp tục nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2021 thì cháu Linh có nguyện vọng được sống chung với cha ruột là anh T. Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Linh đã trên 07 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, đây là ý chí tự nguyện của cháu Linh. Đối với cháu Vinh thì sau khi chị D, anh T ly thân đến nay thì cháu Vinh do anh T trực tiếp nuôi dưỡng sức khỏe đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao Trần Hồng L, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thế V, sinh ngày 26/3/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về nợ chung:* Chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T xác định trong thời gian chung sống anh chị không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Kiều D.

*Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Trương Kiều D được ly hôn với anh Trần Văn T.

*Về con chung:* Giao cho anh Trần Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Hồng L, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thế V, sinh ngày 26/3/2015. Chị Trương Kiều D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Kiều D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trương Kiều D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị D có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006109 ngày 17 - 02 - 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trương Kiều D và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã P, huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

**Trần Tuấn Kiệt**